

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 13/2023/HSST
Ngày 21/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Chiến, là giáo viên
2. Ông Nguyễn Hà Giang, cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 21/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2023/TLST-HS ngày 18/01/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 07/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Hồng T sinh ngày 04/8/2004; tại xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú thôn S, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn B và bà Mai Thị T0; vợ con chưa có. Tiền án không; tiền sự không. Nhân thân ngày 26/11/2021 bị Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội Trộm cắp tài sản; ngày 01/7/2021 bị Công an xã Ninh T, huyện Hoa Lư xử phạt 750.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản chấp hành xong ngày 05/7/2021; ngày 04/9/2021 bị Công an huyện Y xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, chấp hành xong ngày 12/10/2021. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 19/10/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

2. Phạm Đức P sinh ngày 07/8/2005; tại xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm T, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị L1; vợ con chưa có. Tiền án không; tiền sự không. Nhân thân ngày 31/7/2020 bị Công an huyện M xử phạt Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 25/02/2021 bị UBND xã Y áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 06 tháng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/10/2022 đến ngày 19/10/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo P: Chị Phạm Thị L1 sinh năm 1988; địa chỉ xóm Tây, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo P:

- Ông Phan Tiến Minh, Luật sư Văn phòng luật sư Tiến Minh, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Bình; vắng mặt và có bản bào chữa gửi đến phiên tòa.

- Ông Phạm Văn Sỹ, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bị hại: Cháu Đỗ Thị Lệ T1 sinh ngày 13/11/2007; địa chỉ thôn 1, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Đỗ Thanh B sinh năm 1980; địa chỉ thôn 1, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu T1: Bà Đoàn Thị Hằng, Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ L1 quan đến vụ án:

- Chị Mai Thị T0 sinh năm 1984; địa chỉ thôn S, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

- Anh Trần Mạnh D sinh năm 1989; địa chỉ tổ 14, phường 1, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Anh Trần Mạnh C sinh năm 1991; địa chỉ tổ 14, phường 1, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Cháu Nguyễn Mai Thùy Tr sinh năm 2006; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/10/2022 T điều khiển xe mô tô Honda Wave (xe không đeo biển kiểm soát) đi đến sân vận động xã Y thì gặp P. P rủ T đi cướp giật tài sản T đồng ý. P điều khiển xe mô tô chở P sang huyện Y tìm người đi đường sơ hở tài sản thì cướp giật tài sản. Khi đi đến xã Khánh Phú thì T đổi lái lên điều khiển xe mô tô. Khi đi đến xã Khánh Hòa, P nhìn thấy cháu Tr sinh ngày 31/3/2006 điều khiển xe máy điện chở cháu T1 sinh ngày 13/11/2007 trên tay cháu T1 cầm 01 điện thoại Iphone Xs Max, P bảo T quay xe lại tìm cơ hội để cướp giật chiếc điện thoại của cháu T1. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 10 thuộc địa phận thôn Đường 10, xã A; T điều khiển xe mô tô áp sát xe máy điện do cháu Tr điều khiển, còn P giật chiếc điện thoại của cháu T1 đang cầm trên tay. T tăng ga xe mô tô bỏ chạy về thành phố Ninh Bình, P tháo ốp của chiếc điện thoại ném xuống đường và tiếp tục điều khiển xe mô tô đi về thành phố Tam Điệp; P cởi áo ngoài cất vào cốp xe và cởi mũ bảo hiểm vứt đi để tránh bị phát hiện. Sau đó P chở T về nhà còn P mang điện thoại vừa cướp giật được về nhà tháo sim điện thoại ra cất đi. Ngày 09/10/2022 T và P mang chiếc điện thoại di động đã cướp giật được của cháu T1 đến cửa hàng điện thoại C Dollar ở phường Bắc Sơn, thành phố Tam

Điệp bán cho anh D là nhân viên của cửa hàng với giá là 1.100.000 đồng và chia nhau T hưởng 600.000 đồng, P hưởng 500.000 đồng.

Ngày 10/10/2022 biết Công an đến nhà làm việc, T ra đầu thú và giao nộp 01 sim thuê bao số 0787443942, 01 xe mô tô Hoda Wave, 01 điện thoại Samsung A70 sim thuê bao số 0343258253. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại Iphone Xs Max; thu giữ của P 01 áo dài tay màu hồng, 01 mũ lưỡi trai màu đen.

Kết luận định giá tài sản số 37/KLĐG ngày 21/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận: Điện thoại di động Iphone XS Max loại 64GB đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 08/10/2022 trị giá 8.150.000, ốp điện thoại silicon trị giá 40.000 đồng, sim thuê bao di động Mobifone số thuê bao 0787443942 trị giá 53.000 đồng; tổng trị giá tài sản là 8.243.000 đồng.

Cáo trạng số 07/CT-VKSYK ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo T và P về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo T và P phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với P. Xử phạt bị cáo P từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/10/2022; bị cáo T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/10/2022.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô Hoda Wave. Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Samsung A70 số sim 0343258253. Tịch thu tiêu hủy 01 áo dài tay màu hồng, 01 mũ lưỡi trai màu đen. Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền là 600.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 800.000 đồng bà T0 (là mẹ bị cáo) đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003050 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y để đảm bảo thi hành án cho bị cáo; bị cáo P phải nộp lại số tiền 500.000 đồng để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Luật sư Phan Tiến Minh bào chữa cho bị cáo P, gửi bản bào chữa cho bị cáo P với nội dung: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố mất sớm, mẹ không có việc làm ổn định; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tự nguyện bồi thường thiệt hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người dưới 18 tuổi, thiếu hiểu biết pháp luật. Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Trợ giúp viên pháp lý Phạm Văn Sỹ bào chữa cho bị cáo P trình bày: Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người chưa đủ 18 tuổi; bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị áp dụng các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 98; khoản 1 Điều

101 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức án thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Trợ giúp viên pháp lý Đoàn Thị Hằng bảo vệ quyền lợi cho cháu T1 trình bày: Các bị cáo thực hiện hành vi bằng thủ đoạn nguy hiểm, khi bị phạm tội cháu T1 chưa đủ 15 tuổi. Tuy nhiên sau khi phạm tội các bị cáo đã đến xin lỗi bị hại và tự nguyện bồi thường thiệt hại, thể hiện sự ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo T và P đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng các bị cáo đều trình bày ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người đại diện và người bào chữa cho bị cáo; người bị hại, người đại diện và người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại, người L1 quan và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì; nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, người L1 quan và người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về địa điểm, thời gian, hành vi của các bị cáo, vật chứng đã thu giữ và tài sản chiếm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 08/10/2022 cháu Tr đang điều khiển xe máy điện chở cháu T1 ngồi phía sau tham gia giao thông trên đường Quốc lộ 10 thuộc địa phận thôn Đường 10, xã A, trên tay cháu T1 có cầm điện thoại 01 điện thoại Iphone Xs Max; T điều khiển xe mô tô chở P ngồi sau, đi từ phía sau lên áp sát xe máy điện do cháu Tr điều khiển, P ngồi sau xe mô tô đưa tay ra giật chiếc điện thoại Iphone Xs Max của cháu T1. Sau đó T tăng ga xe mô tô bỏ chạy; trị giá điện thoại của cháu T1 là 8.243.000 đồng. Hành vi của các bị cáo T và P là trái pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác; hành vi của T và P đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”.

Cháu Tr đang điều khiển xe đạp điện chở cháu T1 tham gia giao thông trên đường; thì T điều khiển xe mô tô áp sát xe máy điện của cháu Tr để P thực hiện hành vi giật tài sản của cháu T1; hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Người bị hại là cháu T1 sinh ngày 13/11/2007 tính đến ngày 08/10/2022 cháu T1 mới có 14 tuổi 10 tháng 26 ngày; nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp “Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”.

Hành vi phạm tội “Cướp giật tài sản” của các bị cáo T và P được quy định tại các điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

.....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi....;

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố các bị cáo T và P về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Bị cáo P là người rủ và trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án; bị cáo T giữ vai trò cuối cùng trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tăng nặng: Các bị cáo P và T đều không có tình tiết tăng nặng.

Về giảm nhẹ: Bị cáo P “Tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T “Tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lời bất chính do bán tài sản mà có” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những tình tiết nêu trên, thấy rằng:

Các bị cáo P và T đều có nhân thân xấu; đã bị xử lý về hành vi chiếm đoạt, nhưng các bị cáo không chịu rèn luyện, tu dưỡng bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; nên cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm minh, để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo P có 03 tình tiết giảm nhẹ, bị cáo T có 05 tình tiết giảm nhẹ; nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo tương ứng với số tình tiết và mức giảm nhẹ của mỗi tình tiết mà mỗi bị cáo được hưởng.

Về phạt bổ sung: Bị cáo P là người dưới 18 tuổi; bị cáo T theo biên bản xác minh ngày 11/10/2022 thể hiện bị cáo không có tài sản; nên không phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với P và T.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại là cháu T1 đã được các bị cáo tự nguyện bồi thường đầy đủ; cháu T1 và đại diện cho cháu T1 là anh Bình không có yêu cầu gì thêm; nên Tòa án không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

- Về số tiền 1.100.000 đồng anh D mua điện thoại của P. Do anh C và anh D đều khai không yêu cầu các bị cáo phải trả lại; nên Tòa án không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm 01 điện thoại Iphone Xs Max; 01 sim điện thoại số thuê bao 0787443942; 01 xe mô tô Hoda Wave α màu trắng bạc (xe không lắp biển kiểm soát), số khung RLHJA 3925NY432308, số máy JA39E2856547; 01 điện thoại Samsung A70 sim thuê bao số 0343258253; 01 áo dài tay màu hồng; 01 mũ lưỡi trai màu đen.

- Điện thoại Iphone Xs Max và sim thuê bao số 0787443942 là tài sản của cháu T1, Cơ quan điều tra đã trả lại cho cháu T1 là đúng pháp luật.

- Xe mô tô Hoda Wave α là tài sản của T, bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 áo dài tay màu hồng, 01 mũ lưỡi trai màu đen là tài sản của P; tài sản không còn giá trị, bị cáo không yêu cầu trả lại nên tịch thu tiêu hủy.

- Điện thoại Samsung A70 sim thuê bao số 0343258253 là tài sản của T, không có L1 quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên trả lại cho bị cáo T

- Về số tiền 1.100.000 đồng, các bị cáo bán điện thoại mà có; đây là tiền của anh C và anh D. Do anh C và anh D đều khai không yêu cầu các bị cáo phải trả lại; nên buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước; trong đó bị cáo P là 600.000 đồng, bị cáo T là 500.000 đồng.

[8] Đối với anh D là người đã mua chiếc điện thoại của P và T, nhưng anh D không biết tài sản do P và T phạm tội mà có, nên hành vi của anh D không có dấu hiệu tội phạm.

[9] Về án phí: Các bị cáo P và T đều bị kết án, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các điểm d, g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; áp dụng thêm khoản 6 Điều 91, khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự đối với P.

2. Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức P và Phạm Hồng T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

3. Xử phạt: - Phạm Đức P 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ 10/10/2022.

- Phạm Hồng T 04 (bốn) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ 10/10/2022.

4. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Hồng T 01 điện thoại Samsung A70 sim thuê bao số 0343258253.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô Hoda Wave α màu trắng bạc (không lắp biển kiểm soát) số khung RLHJA 3925NY432308 số máy JA39E2856547.

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo dài tay màu hồng, 01 mũ lưỡi trai màu đen.

- Buộc bị cáo Phạm Đức P phải nộp lại số tiền do bán tài sản cướp giật mà có là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Phạm Hồng T phải nộp lại số tiền do bán tài sản cướp giật mà có là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền 800.000 đồng bà Mai Thị T0 (là mẹ bị cáo) đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003050 ngày 21/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y

Toàn bộ vật chứng có đặc điểm tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Phạm Đức P và Phạm Hồng T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo P, bị cáo T; người đại diện hợp pháp của bị cáo P, người bào chữa cho bị cáo P; người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị hại; người L1 quan là bà T0 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ L1 quan đến vụ án là anh D và anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người đại diện BC, Người bào chữa
- Người bị hại, người đại diện, người BVQL
- Người L1 quan
- Chi cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực